TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỚN QUẢN** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Phương

2. Bà Phan Thị Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2024 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Thị N, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ B, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

* Bị đơn: Ông Phạm Văn P, sinh năm 1985. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ B, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2024 và biên bản hòa giải ngày 06/3/2025, nguyên đơn bà Thị N *trình bày:*

Bà N với ông P sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm thì tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P thường xuyên rượu chè, cờ

bạc, đi làm nhưng thỉnh thoảng mới mang tiền về lo cho gia đình khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2019, bà N đã đưa đơn ra Tòa yêu cầu ly hôn sau đó cho ông P cơ hội để sửa đổi nên đã rút đơn khởi kiện. Từ năm 2022 đến nay, ông P lại chứng nào tật nấy thậm chí không chăm lo cho kinh tế gia đình, không lo cho vợ con. Từ tháng 9/2024, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Nguyên nhân là do ông P ghen tuông, cho rằng bà N ngoại tình có lúc còn đánh bà N nên bà N đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Thấy cuộc sông vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau, không có hạnh phúc nên bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn P.

Về con chung: Trong quá trình sinh sống bà N với ông P có 02 con chung là Phạm Minh Q sinh ngày 29/12/2012 và Phạm Minh N1 sinh ngày 24/9/2022. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi cả 02 con chung. Không yêu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông P *đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến ông* P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà N với ông P; giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu, tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà N, ông P theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và giấy chứng nhận kết hôn thì bà N, ông P tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân giữa bà N, ông P là hợp pháp. Theo bà N thì do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ghen tuông khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Từ tháng 9/2024, bà N với ông P đã không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Lời trình bày của bà N phù hợp với biên bản xác minh ngày 19/02/2025. Cho thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Bà N yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: bà N, ông P có 02 con chung là Phạm Minh Q sinh ngày 29/12/2012 và Phạm Minh N1 sinh ngày 24/9/2022. Hiện nay con chung đều đang ở với bà N, do bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, ông P không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con chung cần giao cả 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Yêu cầu của bà N về con chung được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí: Do bà N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: cho bà Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn P. Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2012 ngày 22/3/2012 của UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Phạm Minh Q sinh ngày 29/12/2012 và Phạm Minh N1 sinh ngày 24/9/2022 cho bà Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đề việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi tích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thị N phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005536 ngày 01/11/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã Thanh An
- Các đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Minh Hải